TUẦN 16

Tiếng Việt (tăng)

Luyện tập về so sánh

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ:

+ Củng cố về các sự vật được so sánh, các hình ảnh so sánh, từ so sánh và kiểu so sánh.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Cảm nhận được giá trị văn học của các hình ảnh so sánh.

2. Năng lực chung.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy đặt một câu khiến để mượn bạn một đồ dùng học tập?  - Câu khiến có tác dụng gì? | - HS nối tiếp đặt câu  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| GV chốt: |  |

2. Luyện tập

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài 1: Trong đoạn thơ dưới đây tiếng mưa được so sánh với những gì? Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.  Đã có ai lắng nghe  Tiếng mưa trong rừng cọ  Như tiếng thác dội về  Như ào ào trận gió.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a. tiếng thác dội | b. tiếng gió thổi | c. rừng cọ | | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2  - GV nhận xét, đánh giá  - Đây là kiểu so sánh gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - HS nêu miệng  Đáp án: a và b  - HS nêu |
| \* GV chốt: So sánh âm thanh với âm thanh. Tiếng mưa được so sánh với tiếng thác dội, tiếng gió thổi là cho chúng ta tưởng tượng ra đây là một trận mưa rất to. | - HS nghe và ghi nhớ |
| Bài 2: Viết tiếp để tạo câu có hình ảnh so sánh:  a.Tiếng sáo diều vi vu như .....  b.Tôi nằm trên bãi cỏ nghe tiếng gió thổi bên tai êm như ....  c.Trên những ngọn tre, tiếng chim hót ríu rít tựa như ...... | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - HS chữa bài  a.Tiếng sáo diều vi vu như *cung đàn ngân nga.*  b.Tôi nằm trên bãi cỏ nghe tiếng gió thổi bên tai êm như *tiếng nói thì thầm.*  c.Trên những ngọn tre, tiếng chim hót ríu rít tựa như *tiếng của những chiếc chuông gió va vào nhau, thật vui tai.* |
| \* GV chốt: Chốt: Hai âm thanh được so sánh với nhau phải là hai âm thanh có nét tương đối giống nhau, mục đích so sánh phải làm cho sự vật được đẹp thêm lên. | |
| Bài 3: Điền vào chỗ trống từ ngữ chỉ các âm thanh được so sánh với nhau:  a. Côn Sơn suối chảy rì rầm  Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.  - Tiếng suối chảy được so sánh với…………………..  b. Mỗi lúc, tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng.  - Tiếng chim kêu náo động được so sánh với……………………. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm cá nhân  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài  - HS chữa bài |
| \* GV chốt:  a. Tiếng suối chảy được so sánh với tiếng đàn cầm  b. Tiếng chim kêu náo động được so sánh với tiếng xóc những rổ tiền đồng. | |

3. Vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 4: Đặt câu có hình ảnh so sánh âm thanh với âm thanh: | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân đặt câu theo yêu cầu.  - Khi đặt câu có hình ảnh so sánh đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì?  - Trong câu em vừa đặt thì âm thanh nào được so sánh với nhau, từ dùng để so sánh là từ nào? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - Một số HS lên bảng đặt câu  VD:  Tiếng đàn du dương như lời mẹ ru. Tiếng gió rì rào như tiếng mưa. Tiếng hát ngân vang như tiếng chim.  - HS nêu  - HS khác nhận xét |
| \* GV chốt: Khi đặt câu có hình ảnh so sánh đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm.  Khi viết đoạn văn ta nên sử dụng các câu văn có hình ảnh so sánh để câu văn thêm sinh động, hấp dẫn hơn. | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

…………………………………………………………………………………………….

Tiếng Việt (tăng)

Luyện tập về câu cảm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

+ Củng cố về câu cảm, cách nhận biết câu cảm, cách đặt câu cảm.

+ Biết bày tỏ cảm xúc khi cần thiết.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: làm được các bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia hoạt động tự tin, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1.Khởi động:

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy đặt một câu cảm để bày tỏ niềm vui khi được mẹ tặng quà sinh nhật?  - Câu cảm có tác dụng gì?  - Cuối câu cảm dùng dấu gì? | - HS nối tiếp đặt câu  VD: A! Cái áo đẹp quá!  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: *Câu cảm dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói. Khi viết, cuối câu cảm có dấu chấm than.* | - HS lắng nghe |

2. Luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 1: Khoanh vào chữ cái trước câu cảm trong các câu dưới đây:  a. Chúng em đang đá bóng.  b. Đề nghị các bạn giữ trật tự!  c. Bạn có đi lao động không?  d. A, con mèo này khôn thật! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm câu cảm. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - HS nêu miệng  Đáp án: khoanh vào d  - HS khác nhận xét |
| \* GV chốt: *Câu a là câu kể một sự việc, câu b là câu khiến, câu c là câu hỏi, câu d là câu cảm.* | - HS nghe và ghi nhớ |
| Bài 2: **Chuyển các câu sau thành câu cảm:**  a. Con mèo này bắt chuột giỏi  b. Trời rét  c. Bạn Ngân chăm chỉ.  d. Bạn Giang học giỏi. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4  - GV nhận xét, tuyên dương  - Muốn chuyển câu kể thành câu cảm chúng ta cần làm gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - HS chữa bài  Đáp án:  a. Con mèo này bắt chuột giỏi quá!  b. Ôi, trời rét quá!  c. Bạn Ngân chăm chỉ quá!  d. Chà, bạn Giang học giỏi thật!  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: Muốn chuyển câu kể thành câu cảm chúng ta cần thêm các từ ngữ: ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật, … vào trong câu cho phù hợp. | |
| Bài 3: **Những câu cảm sau đây bộc lộ cảm xúc gì?**  a. Ôi, bạn Nam đến kìa!  b. Ồ, bạn Nam thông minh quá!  c. Trời thật là kinh khủng! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - GV nhận xét, tuyên dương  - Câu cảm có thể bộ lộ những cảm xúc gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - HS chữa bài  Đáp án:  a. Mừng rỡ, cảm động  b. Thán phục  c. Kinh khiếp, ghê sợ.  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: Câu cảm có thể bộc lộ cảm xúc vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên, …. | - HS nghe và ghi nhớ |

3. Vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 4: Đặt câu cảm cho mỗi tình huống sau:  a. Em bé chạy nhảy, nô đùa trong thư viện gây ồn ào.  b. Em tìm được cuốn sách mình yêu thích trong thư viện.  c. Thư viện trường em mới được nhà xuất bản Kim Đồng tặng thêm 500 cuốn sách hay. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  - Khi đặt câu khiến đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì?  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - HS chữa bài  VD:  a. Ôi! Em bé hiếu động quá!  b. A! cuốn sách mình cần đây rồi!  c. Ôi chao! Nhiều sách quá!  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: *Khi đặt câu cảm đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm than*. | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

…………………………………………………………………………………………….

Tiếng Việt (tăng)

Luyện tập: Em yêu nghệ thuật

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

*1.1. Năng lực ngôn ngữ:*

+ Viết được đoạn văn 6 – 8 câu kể về một buổi chiếu phim mà em đã được xem.

+ Đoạn không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp; biết sử dụng dấu câu thích hợp.

*1.2. Năng lực văn học:*

- Biết sử dụng các từ ngữ liên quan đến chủ điểm Sáng tạo nghệ thuật.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: biết lựa chọn đề tài để viết và có ý tưởng riêng về đề tài đó.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: yêu thích nghệ thuật, cảm nhận được giá trị và tác dụng của nghệ thuật, biết trân trọng những người làm nghệ thuật

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi với các bạn trong nhóm về đề tài định viết.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1.Khởi động:

|  |  |
| --- | --- |
| - Nêu các bước viết đoạn văn theo quy tắc bàn tay? | - HS nêu, HS khác nhận xét |
| GV chốt: | |

2. Luyện tập

Đề bài: Viết đoạn văn kể về một buổi chiếu phim mà em đã được xem.

|  |  |
| --- | --- |
| 2.1. Tìm hiểu đề  - Đề yêu cầu gì? | - HS nêu: Viết đoạn văn kể về một buổi chiếu phim mà em đã được xem. |
| - Em viết về gì? | - HS nêu: Em viết về một buổi xem phim hoạt hình Tom và Jerry |
| - Em xem ở đâu? | - HS nêu:  + xem ở rạp  + xem trên ti vi,… |
| - Bộ phim đó có những nhân vật nào? | - HS nêu |
| - Nội dung phim như thế nào? | - HS nêu |
| - Điều gì trong bộ phim đó làm em nhớ nhất? | - HS nêu |
| 2.2. Viết đoạn văn  - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài. | - HS viết bài vào vở ô li. |
| 2.3. Đọc đoạn văn trước lớp  - GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý.  - GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa những lỗi chung HS thường mắc phải. (VD: lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi trình bày) | - HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.  - Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - HS khác nhận xét  - HS nộp vở để GV kiểm tra, đánh giá. |

3. Vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| - GV đọc bài của học sinh viết có sáng tạo, có câu văn hay để HS khác học tập.  - Nhắc nhở các em cần nghiêm túc trong các hoạt động tập thể. Biết giữ trật tự, không ồn ào nơi công cộng,...  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

*Đoạn văn tham khảo*

Cuối tuần em được theo chị đi vào rạp chiếu phim ở Hải Dương. Rạp nằm ở tầng bốn của một ngôi nhà khang trang. Trong rạp rất tối, chỉ có ánh sáng của màn chiếu khổng lồ. Đầu tiên, con sư tử và tiếng gầm quen thuộc xuất hiện đầy hứng thú. Mèo Tom bao giờ cũng vậy luôn là kẻ bắt nạt Jerry. Jerry thì rất nhanh nhẹn và thông minh, lúc thì lừa Tom đâm vào gốc cây, lúc lại dụ Tom ngã xuống nước. Có lúc, Jerry còn tìm cách làm hỏng đồ đạc để bà chủ la mắng Tom. Cứ thế, cuộc rượt đuổi bất tận giữa Tom và Jerry làm cả rạp cười nghiêng ngả. Em rất thích Jerry vì chú thông minh, nhanh trí.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

…………………………………………………………………………………………….